

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2023/DS-ST**.

Ngày: 19-9-2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyên

2. Bà Nông Thị Thùy Trang

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 213/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-DS ngày 10/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-DS ngày 28/8/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: 18 đường L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Lê Anh K, sinh năm 1984 – Chuyên viên Ngân hàng. (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng X, số 174 đường L, phường H, Quận C, Tp. Đà Nẵng. (Theo văn bản ủy quyền số 438/UQ-MBAMC ngày 20/5/2023)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T. Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Văn T; trú tại: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt)

2. Chị Lý Thị N; trú tại: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Anh K trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Đ với ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T đã cùng ký kết Hợp đồng cho vay số: 10709.17.342.3221790.TD ngày 25/04/2017 và các khế ước nhận nợ như sau:

Số Hợp đồng: 10709.17.342.3221790.TD ngày 25/04/2017; Mục đích vay: Cho vay đầu tư tài sản cố định; Lãi suất(%)/năm: 11,4%/năm; Số tiền phát vay: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Tài sản bảo đảm gồm: Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 48, tờ bản đồ số: 47, diện tích: 11.466 m², địa chỉ: Thôn X xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 570071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ : H03963 do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/08/2008. Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 46, diện tích: 26.388 m², địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO & TSKGLVĐ số BU 959772, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: CH01080 do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, cụ thể: Dư nợ tạm tính của ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T đến ngày 25/07/2023 là: Nợ gốc: 699.999.731 đồng; Nợ lãi: 620.356.038 đồng; Tổng nợ: 1.320.355.769 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*).

Ngân hàng Quân đội đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý theo đúng quy định nhưng ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. MBAMC đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên liên quan theo đúng quy định.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của M, bằng đơn này M khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T ra trước Tòa án nhân dân Huyện Ea H'leo– tỉnh Đắk Lắk, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q các khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số: 10709.17.342.3221790.TD ngày 25/04/2017 và các khế ước nhận nợ đính kèm với số tiền tạm tính đến ngày 25/07/2023 là: 1.320.355.769 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 699.999.731 đồng; Nợ lãi: 620.356.038 đồng. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 10709.17.342.3221790.TD ngày 25/04/2017 và các khế ước nhận nợ đính kèm kể từ ngày 26/07/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Kể từ ngày Quyết định/ Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 1, khoản 2 mục II Đơn này cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền: Xử

lý tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại các Hợp đồng thế chấp đã ký với M hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho M, tài sản bảo đảm gồm có: Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 48, tờ bản đồ số: 47, diện tích: 11.466 m², địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 570071, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ : H03963 do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/08/2008. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và TSGLVĐ số: 10710.17.342.3221790.BĐ ngày 25/04/2017 giữa ông Nguyễn Ngọc T và Ngân hàng TMCP Q. Số công chứng: 3171, quyền số: 02/2017 - TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 46, diện tích: 26.388 m², địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO & TSKGLVĐ số BU 959772, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: CH01080 do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2014. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 10710.17.342.3221790.BĐ ngày 25/04/2017 giữa Hộ ông Nguyễn Ngọc T – bà Bùi Thị T và Ngân hàng TMCP Q. Số công chứng: 3172, quyền số: 02/2017 - TP/CC-SCC/HĐGD.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T đối với Ngân hàng M. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Tôi xác định lời trình bày của bên Ngân hàng là hoàn toàn đúng về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Vợ chồng tôi có vay của ngân hàng số tiền gốc là 700.000.000 đồng và thế chấp 02 tài sản gồm: Thửa đất số: 48, tờ bản đồ số: 47, diện tích: 11.466 m², địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 570071, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ : H03963 do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/08/2008; Thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 46, diện tích: 26.388 m², địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO & TSKGLVĐ số BU 959772, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ : CH01080 do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2014. Quá trình vay chúng tôi chỉ trả được một phần lãi cho Ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả tổng số tiền 1.320.355.769 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 699.999.731 đồng; Nợ lãi: 620.356.038 đồng thì chúng tôi đồng ý. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi xin trả dần số tiền trên cho Ngân hàng.

Đối với thửa đất số: 48, tờ bản đồ số: 47, diện tích: 11.466 m², địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk hiện nay tôi đang cho chị Lý Thị N thuê để trồng cây nông nghiệp ngắn ngày. Đối với thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 46, diện tích: 26.388 m², địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì tôi cho ông Đinh Văn

T ở nhờ để chăm sóc các cây trồng mà tôi đã trồng trước đây cho tôi. Ông T không đầu tư hay trồng trọt gì các cây công nghiệp dài ngày trên đất của tôi. Toàn bộ các cây cà phê và các cây trồng khác là do tôi trồng trước đây chứ không phải do ông T trồng.

** Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 28/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị N trình bày:*

Tôi là người đứng ra thuê lô đất của ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T đã thế chấp cho Ngân hàng với thời gian thuê là 01 năm, số tiền thuê là 15.000.000 đồng. Tôi thuê đất để trồng cây nông nghiệp ngắn ngày cụ thể là trồng bắp chứ không trồng cây công nghiệp lâu năm. Tôi cũng không đầu tư xây dựng tài sản gì trên đất do đó tôi không có ý kiến gì, khi nào Ngân hàng bán tài sản của ông T, bà T nếu còn trong thời hạn thuê đất thì tôi cũng trả lại đất cho Ngân hàng.

Do điều kiện hoàn cảnh công việc bận nên tôi xin từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án cứ tiến hành xét xử vắng mặt tôi theo quy định pháp luật. Ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Quá trình giải quyết vụ án tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T trình bày:*

Vào ngày 20/10/2020 ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T ủy quyền lại cho tôi trực tiếp trông nom, canh tác trồng hoa màu trên đất. Sau khi ủy quyền tôi chăm sóc cây trồng, hoa màu của ông T, bà T để được hưởng lợi tức hoa màu trên đất chứ tôi không đầu tư, xây dựng gì trên đất. Do đó tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T trả nợ cho Ngân hàng thì tôi không có ý kiến gì. Do công việc bận rộn tôi không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được vì vậy tôi đề nghị Tòa án cứ tiến hành giải quyết xét xử vắng mặt tôi theo quy định pháp luật. Ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Bùi Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến được.*

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, 385, 386, 409 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của đại diện Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 699.999.731 đồng tiền gốc, tiền lãi và tiền phạt quá hạn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị N và ông Đinh Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T, bà T phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 10709.17.342.3221790.TD ngày 25/4/2017 và Khế ước nhận nợ thì thấy:

Ngày 25/4/2017 Ngân hàng TMCP Quân và ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T ký kết hợp đồng tín dụng số 10709.17.342.3221790.TD để ông T, bà T vay số tiền 700.000.000 đồng. Mục đích vay về để Sản xuất kinh doanh – Đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay là 120 tháng, lãi suất 11.4%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Nợ gốc thanh toán 10 kỳ (mỗi kỳ là 12 tháng) và trả vào ngày 15 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 25/10/2017. Tuy nhiên, sau khi vay từ ngày 25/4/2017 đến kỳ trả nợ lãi đầu tiên ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay, khoản nợ trên đã quá hạn, Ngân hàng đã đến nhà làm việc nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện buộc ông T, bà T phải trả số tiền tính đến ngày 25/07/2023 là: 1.320.355.769 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*). Trong đó nợ gốc: 699.999.731 đồng; nợ lãi: 620.356.038 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2023 cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2]. Về hợp đồng thế chấp tài sản: Giữa Ngân hàng với ông T và bà T có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 10710.17.342.3221790.BĐ ngày 25/4/2017 thế chấp tài sản: Thửa đất số 48, tờ bản đồ 47, diện tích 11466.0m² được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 570071 ngày 12/8/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H (ngày 27/10/2015 cho tặng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc T) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Hợp đồng thế chấp tài sản số 10710.17.342.3221790.BĐ ngày 25/4/2017 thế chấp tài sản: Thửa đất số 124, tờ bản đồ 46, diện tích 26388m² được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU

959772 ngày 02/12/2014 mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Xét 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10710.17.342.3221790.BĐ ngày 25/4/2017 giữa các bên là tự nguyện. Các tài sản thế chấp đều thuộc quyền sử hữu của ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T và đã được công chứng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông T, bà T với Ngân hàng TMCP Q là hợp pháp. Việc Ngân hàng TMCP Q yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên khi ông T, bà T không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[3.3]. Về lãi suất: Cần áp dụng Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T với Ngân hàng TMCP Q và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

[4]. Về chi phí tố tụng:

[4.1]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39 và 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 317, 319, 320, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 25/07/2023 là: 1.320.355.769 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*). Trong đó nợ gốc: 699.999.731 đồng; nợ lãi: 620.356.038 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2023 cho đến khi trả xong nợ. Đồng thời yêu cầu ông T và bà T tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 26/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong trường hợp ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp tại 02 hợp đồng thế chấp tài sản số 10710.17.342.3221790.BĐ ngày 25/4/2017 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng, nên ông T, bà T phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Q.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị T phải chịu 51.611.000

đồng (Năm mươi một triệu sáu trăm mười một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 25.340.000 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Lê Anh K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, theo biên lai số AA/2021/0011394 ngày 02/6/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngụy Thế Xuân